

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K4,5,6 ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT CNTN ĐỢT 3 NĂM 2022

Chú ý: Sinh viên chưa được tick "X" vào ô đơn thì khẩn trương nộp đơn xin xét CNTN

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Mã lớp học	Tổng số tín chỉ học	tổng số tín chỉ qua	TBC	TH	NN	GDTC	GDQP	Bằng-HB	Đơn	Ghi chú
1	0410210099	Nguyễn Thị Hồng	Gám	14/05/1998	Nữ			KD4D	124	124	2.16	x	x	x	x	x		
2	0410110856	Dương Thị Huyền	Trang	31/08/1998	Nữ			TC4B	124	124	2.53	x	x	x	x	x		CĐR NN: 28/12/2020
3	0410610635	Phạm Bá	Kiên	20/05/1998	Nam	Thái Bình	Kinh	KA5A	126	126	2.62	x	x	x	x	x	x	
4	0510210091	Nguyễn Thúy	Hạnh	18/09/1999	Nữ	Hà Nội	Kinh	KD5H	124	124	2.41	x	x	x	x	x	x	CC NN ĐHHN
5	0510210792	Nguyễn Thu	Hoài	20/11/1999	Nữ	Hà Nội	Kinh	KD5H	124	124	2.53	x	x	x	x	x	x	CĐR NN: 28/12/2020
6	0310110054	Lê Duy	Khánh	01/09/1997	Nam	Phú Thọ	Kinh	TC5A	124	124	2.67	x	x	x	x	x	x	CĐR NN: 28/12/2020
7	0610211147	Trần Thị	Thương	10/11/2000	Nữ	Ninh Bình	Kinh	KD6C	124	124	2.95	x	x	x	x	x	x	
8	0610210030	Đỗ Thị Ngọc	Anh	30/11/2000	Nữ			KD6G	124	124	2.52	x	x	x	x	x		
9	0610210916	Nguyễn Diệu	Anh	18/09/2000	Nữ			KD6G	124	124	2.63	x	x	x	x	x		
10	0610210035	Nguyễn Hải	Anh	03/01/2000	Nữ			KD6H	124	124	2.47	x	x	x	x	x		
11	0610210268	Lê Thị Quỳnh	Như	06/11/2000	Nữ			KD6H	124	124	2.48	x	x	x	x	x		
12	0610210840	Trần Thị Thanh	Thư	27/01/2000	Nữ			KD6H	124	124	2.83	x	x	x	x	x		
13	0610710443	Vũ Minh	Tuấn	16/01/2000	Nam	Hưng Yên	Kinh	QL6A	126	126	2.77	x	x	x	x	x	x	

14	0610330458	Nguyễn Minh Ngọc	Anh	04/08/2000	Nữ	Hà Nội	Kinh	QM6A	124	124	2.68	x	x	x	x	x	x	
15	0610111974	Bùi Công	Chân	18/07/1996	Nam			TC6A	124	124	2.52	x	x	x	x	x		
16	06101110884	Lương Trọng	Hùng	02/08/2000	Nam	Cao Bằng	Nùng	TC6A	124	124	2.66	x	x	x	x	x	x	
17	0610810414	Vương Thanh	Hào	24/06/2000	Nam			TM6A	126	126	2.72	x	x	x	x	x		CC PTE điểm TB 48

